

Số /QĐ-SNN

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai và phân bổ kinh phí năm 2025 để thực hiện chi thu nhập tăng thêm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sử đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc tạm cấp bổ sung kinh phí năm 2025 để thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai và phân bổ kinh phí năm 2025 để thực hiện chi thu nhập tăng thêm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có trách nhiệm công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 được bổ sung của đơn vị theo đúng quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sử đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý xây dựng công trình, Tổ chức cán bộ, Kỹ thuật và chính sách nông nghiệp; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- Các đ/c lãnh đạo Sở;
- Website Sở NN và PTNT;
- Lưu: VT, KHTC(T).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Đại

BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2025 ĐỂ THỰC HIỆN CHI THU NHẬP TĂNG THÊM VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2025

(kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 01 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y	Chi cục Thủy lợi Phòng, chống thiên tai	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	39.954.000.000	39.954.000.000	4.330.000.000	1.318.000.000	9.313.000.000	10.653.000.000	4.374.000.000
A	Chi quản lý hành chính	39.954.000.000	39.954.000.000	4.330.000.000	1.318.000.000	9.313.000.000	10.653.000.000	4.374.000.000
<i>a</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>							
*	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)							
*	- Chi khác ngoài lương (1)							
<i>b</i>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	39.954.000.000	39.954.000.000	4.330.000.000	1.318.000.000	9.313.000.000	10.653.000.000	4.374.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương (2)</i>							
*	<i>Tiền thưởng</i>							
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>							
*	<i>Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 10/10/2024</i>	39.954.000.000	39.954.000.000	4.330.000.000	1.318.000.000	9.313.000.000	10.653.000.000	4.374.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>							
B	Chi sự nghiệp kinh tế							
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:</i>							
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ theo phương án tự chủ được phê duyệt</i>							
*	<i>Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</i>							
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>							
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương (2)</i>							
*	<i>Tiền thưởng</i>							
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>							
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>							
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>							
*	<i>Chi từ nguồn viện trợ</i>							
C	Sự nghiệp giáo dục đào tạo							
D	Sự nghiệp khoa học công nghệ							
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>							
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>							
E	Chương trình mục tiêu quốc gia							
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>							
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>							

BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2025 ĐỂ THỰC HIỆN CHI THU NHẬP TĂNG THÊM VÀ PHÂN BỐ CHO C.

(kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 01 năm 2025 của

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	39.954.000.000	39.954.000.000	1.893.000.000	6.664.000.000	1.409.000.000
A	Chi quản lý hành chính	39.954.000.000	39.954.000.000	1.893.000.000	6.664.000.000	1.409.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
*	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)					
*	- Chi khác ngoài lương (1)					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	39.954.000.000	39.954.000.000	1.893.000.000	6.664.000.000	1.409.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương (2)</i>					
*	<i>Tiền thưởng</i>					
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>					
*	<i>Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 10/10/2024</i>	39.954.000.000	39.954.000.000	1.893.000.000	6.664.000.000	1.409.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>					
B	Chi sự nghiệp kinh tế					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:					
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ theo phương án tự chủ được phê duyệt</i>					
*	<i>Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</i>					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương (2)</i>					
*	<i>Tiền thưởng</i>					
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>					
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>					
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>					
*	<i>Chi từ nguồn viện trợ</i>					
C	Sự nghiệp giáo dục đào tạo					
D	Sự nghiệp khoa học công nghệ					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>					
E	Chương trình mục tiêu quốc gia					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>					